AASCs

Member of msi Global Alliance
Independent Legal & Accounting Firms

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT LONG

Tại ngày 30/06/2014

ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN : CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo Ban Giám đốc	03 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 05
3. Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2014	06 - 12
4. Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2014	13 - 17

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc **Công Ty Cổ Phần Quản Lý Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long** (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2014.

CÔNG TY

Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005757 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 12 năm 2006, giấy phép hoạt động quản lý quỹ số 10/UBCK-GPHĐQLQ ngày 22 tháng 12 năm 2006 và giấy phép điều chỉnh quản lý quỹ số 11/UBCK-GPĐCQLQ ngày 19 tháng 12 năm 2007 do uỷ ban chứng khoán nhà nước cấp.

Hoạt động chính của công ty là lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, thực hiện các hoạt động kinh doanh có liên quan khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Trụ sở chính của Công ty tại Lầu 2, toà nhà Somerset Chancellor Court, số 21 – 23 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 1 - TPHCM.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm :

Ông Phạm Hữu Phú	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 31/01/2007
Ông Nguyễn Quang Thông	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 31/01/2007
Ông Ngô Đình Chính	Thành viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 31/01/2007
Ông Nguyễn Thúc Vinh	Thành viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 31/01/2007

Các thành viên của Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thúc Vinh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31/01/2007
Ông Nguyễn Miên Tiến	Phó tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18/07/2011

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2014 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 30/06/2014

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2014 phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2014. Trong quá trình lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý, thận trọng
- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành.
- Lập và trình bày các Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành
- Lập các Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2014 tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2014 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2014 phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2014

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị **Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long** phê duyệt Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2014 của Công ty.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 07 năm 2014

Thay mặt Hội đồng Quản trị
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT LONG

Phạm Hữu Phú

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 07 năm 2014

Thay mặt Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thúc Vinh

Số :423../BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2014
của Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long

Kính gửi: **- Các cổ đông Công Ty CP Quản lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long**
- Hội đồng Quản trị Công Ty CP CP Quản lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long
- Ban Giám đốc Công Ty CP CP Quản lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2014 của **Công Ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long** được lập ngày 09/07/2014 và trình bày từ trang 6 đến trang 17.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2014 của Công ty phù hợp với Thông tư số 226/2010/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 31/12/2010 và Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 226/2010/TT-BTC và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu các bằng chứng xác minh các thông tin trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2014 của **Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long** đã được lập và trình bày phù hợp với quy định của Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 19/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 226/2010/TT-BTC của Bộ Tài Chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 7 năm 2014

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam
Tổng Giám đốc

Đỗ Khắc Thanh
Số giấy CNĐKHN KTV: 0064-2013-142-1

Kiểm toán viên

Dương Nguyên Thúy Mai
Số giấy CNĐKHN KTV: 0848-2013-142-1

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (08) 3820 5944 - (08) 3820 5947 - Fax: (08) 3820 5942
Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 07 năm 2014

Kính gửi: **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm 30/06/2014

Chúng tôi cam đoan rằng:

(1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài Chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài Chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;

(2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhập trong kỳ báo cáo tiếp theo;

(3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Kế toán trưởng	**Bộ phận Kiểm soát nội bộ**	**Tổng Giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
Nguyễn Thị Thùy Đoan	**Võ Thị Thanh Loan**	**Nguyễn Thúc Vinh**

S.Đ.K.K.D: 4103005757-C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT LONG QUẬN 1 TP. HỒ CHÍ MINH

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG:

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
A	**Nguồn Vốn**	(1)	(2)	(3)
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	40.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần, vốn khác không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	-		
3	Cổ phiếu quỹ	-		
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (nếu có)	501.294.300		
5	Quỹ đầu tư phát triển	-		
6	Quỹ dự phòng tài chính	501.294.300		
7	Quỹ khách thuộc vốn chủ sở hữu	-		
8	Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo qui định của pháp luật	(4.355.988.757)		
9	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)	-		
10	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
11	Lợi ích của cổ đông thiểu số	-		
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi	-		
13	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		537.108.493	1.871.524.268
1A	**TỔNG**	**37.981.015.618**		
B	**Tài sản ngắn hạn**			
I	**Tiền và các khoản tương đương tiền**			
II	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**			
1.1	***Đầu tư ngắn hạn***			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 5		-	
	- Chứng khoán do người có liên quan phát hành			
	- Chứng khoán có bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày			
1.2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
III	**Các khoản phải thu ngắn hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác**			
1	***Phải thu của khách hàng:***			
	Phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
2	Trả trước cho người bán		-	
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn			
	Phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
4	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán			
	Phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
5	***Các khoản phải thu khác***			
	Phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	
IV	**Hàng tồn kho**		-	
V	**Tài sản ngắn hạn khác**			
1	Chi phí trả trước ngắn hạn		33.840.798	
2	Thuế GTGT được khấu trừ			
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước			
4	Tài sản ngắn hạn khác			
4.1	Tạm ứng			
	Phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày *(tạm ứng CBCNV Lê Minh Thống và Phạm Văn Tâm)*		15.000.000	
4.2	Phải thu khác, tài sản ngắn hạn khác		-	
1B	**TỔNG**		**48.840.798**	

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG:

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
C	**Tài sản dài hạn**		-	
I	**Các khoản phải thu dài hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác**			
1	Phải thu dài hạn của khách hàng			
	Phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	
3	Phải thu dài hạn nội bộ			
	Phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
4	Phải thu dài hạn khác			
	Phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
II	**Tài sản cố định**		-	
III	**Bất động sản đầu tư**		-	
IV	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**			
1	Đầu tư vào công ty con		-	
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	
3	Đầu tư chứng khoán dài hạn			
3.1	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8			
3.2	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 5		-	
	- Chứng khoán do người có liên quan phát hành		-	
	- Chứng khoán có bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày		-	
4	Đầu tư dài hạn khác		-	
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)			
V	**Tài sản dài hạn khác**		-	
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo qui định tại Điều 5		-	
1C	**TỔNG**	-	-	
	VỐN KHẢ DỤNG =(1A) – (1B) - (1C)	**37.932.174.820**		

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

	Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro (1)	Qui mô rủi ro (2)	Giá trị rủi ro (3)=(1)*(2)
A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ			**3.639.504.370**	0
1	Tiền mặt (VND) tại quỹ	0%	77.558.377	0
2	Các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn	0%	3.561.945.993	0
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0%	-	0
II. Trái phiếu chính phủ				
4	Trái phiếu chính phủ không trả lãi	0%		
5	Trái phiếu chính phủ trả lãi cuống phiếu .			
5.1	Trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi chính phủ hoặc ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, IADC, AFDB, EIB và EBRD	3%		
5.2	Trái phiếu công trình được chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm	3%		
	Trái phiếu công trình được chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 đến 5 năm	4%		
	Trái phiếu công trình được chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên	5%		
III. Trái phiếu doanh nghiệp				
6	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%		
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%		
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%		
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%		
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%		
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%		
IV. Cổ phiếu				
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại SGDCK Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	16.880.800.000	1.688.080.000
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại SGDCK Hà Nội	15%	9.518.000.000	1.427.700.000
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	-	-
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	4.865.000.000	1.459.500.000
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%		-
V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				
13	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%		
14	Quỹ thành viên, công ty đầu tư tài chính riêng lẻ	30%		
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch				
15	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40%		
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%		
VII. Chứng khoán khác				
17	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%		
18	Các tài sản đầu tư khác			
VIII. Rủi ro tăng thêm (nếu có) được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng				**321.680.000**
	Chi tiết tới từng mã chứng khoán	**Mức tăng thêm**	**Qui mô rủi ro**	**Giá trị rủi ro**
1	FCN	10%	398.400.000	39.840.000
2	SHB	10%	669.300.000	66.930.000
3	VDS	10%	624.000.000	62.400.000
4	DRC	20%	762.550.000	152.510.000
A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)				**4.896.960.000**

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

B. RỦI RO THANH TOÁN

Loại hình giao dịch		Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán		**0,0%**	**0,8%**	**3,2%**	**4,8%**	**6,0%**	**8,0%**	**363.721.181**
1	Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản đảm bảo và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán					6.051.958.330	7.546.021	363.721.181
2	Cho vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản							
3	Vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							
4	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							
5	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							
6	Hợp đồng cho vay ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							

II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán

	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị
1	0-15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%		
2	16 – 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%		
3	31 – 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%		
4	Từ 60 ngày trở đi	100%		
CỘNG				

III. Rủi ro tăng thêm (nếu có)

	Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác	Mức tăng thêm	Qui mô rủi ro	Giá trị rủi ro tăng thêm
1	Công ty CP chứng khoán Rồng Việt	20%	363.117.500	72.623.500
2	Hồ Tấn Đạt	0%	603.682	-
				-
				-
CỘNG			**363.721.181**	**72.623.500**
B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III)				**436.344.681**

C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)		**GIÁ TRỊ**
I.	**Tổng chi phí hoạt động**	**7.169.040.428**
II.	**Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí**	**(33.542.737)**
	1. Chi phí khấu hao	
	2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(33.542.737)
	3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	-
	4. Dự phòng phải thu khó đòi	-
III	**25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ: (III= I – II)*25%**	**1.800.645.791**
IV	**20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán**	**5.000.000.000**
C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max {III, IV})		**5.000.000.000**
D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)		**10.333.304.681**

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/vốn khả dụng	Ghi chú (Nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	4.896.960.000	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	436.344.681	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	5.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	10.333.304.681	
5	Vốn khả dụng	37.932.174.820	
6	**Tỷ lệ an toànVốn khả dụng (6=5/4)**	**367,09%**	

BẢNG KÊ CHI TIẾT CÁC LOẠI CHỨNG KHOÁN

Tháng 06 năm 2014

MÃ CK	Sàn niêm yết	TÊN CHỨNG KHOÁN	SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ		GIÁ TRỊ THỊ TRƯỜNG		Hệ số RRTT (PL1 TT226)	GIÁ TRỊ RỦI RO
				Đơn giá	Thành tiền	Đơn giá	Thành tiền		
VDS	HNX	Cty CP Chứng Khoán Rồng Việt	800.000	3.703	2.962.607.255	5.200	4.160.000.000	15%	624.000
KBC	HSX	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc	229.000	12.701	2.908.485.479	11.200	2.564.800.000	10%	256.480
SHB	HNX	Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	460.000	9.446	4.345.293.894	9.700	4.462.000.000	15%	669.300
FCM	HSX	Cty CP khoáng sản FECON	100.000	14.423	1.442.320.583	13.700	1.370.000.000	10%	137.000
FCN	HSX	Cty CP Kỹ Thuật nền móng và công trình ngầm FECON	166.000	24.493	4.065.825.857	24.000	3.984.000.000	10%	398.400
DRC	HSX	CTCP CAO SU ĐÀ NẴNG	151.000	46.922	7.085.258.333	50.500	7.625.500.000	10%	762.550
C32	HSX	Cty CP Đầu Tư Xây Dựng 3-2	45.000	30.573	1.375.776.574	29.700	1.336.500.000	10%	133.650
HUT	HNX	Cty CP Tasco	80.000	10.985	878.816.250	11.200	896.000.000	15%	134.400
Vinaceglass	OTC	Cty CP Sành sứ Thủy Tinh	475.000	4.900	2.327.500.000	4.900	2.327.500.000	30%	698.250
CIENCO 1	OTC	Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 1	250.000	10.150	2.537.500.000	10.150	2.537.500.000	30%	761.250
TỔNG CỘNG			**2.756.000**		**29.929.384.225**		**31.263.800.000**		**4.575.280**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005757 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 12 năm 2006, giấy phép hoạt động quản lý quỹ số 10/UBCK-GPHĐQLQ ngày 22 tháng 12 năm 2006 và giấy phép điều chỉnh quản lý quỹ số 11/UBCK-GPĐCQLQ ngày 19 tháng 12 năm 2007 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Lầu 2, toà nhà Somerset Chancellor Court, số 21 – 23 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 1 – TPHCM.

Lĩnh vực kinh doanh : Kinh doanh chứng khoán.

Loại hình kinh doanh : lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, thực hiện các hoạt động kinh doanh có liên quan khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Vốn góp cổ phần của Công ty tại ngày 30/06/2014 là **40.000.000.000 VND**, gồm có các cổ đông dưới đây:

STT	Tên	Loại cổ đông	Giá trị góp vốn (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	NGUYỄN THÚC VINH	Cổ đông sáng lập	4.100.000.000	10,25%
2	NGUYỄN XUÂN THI	Cổ đông sáng lập	4.000.000.000	10,00%
3	CÔNG TY VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ SÀI GÒN (SJC)	Cổ đông sáng lập	3.600.000.000	9,00%
4	NGUYỄN MINH TRÍ	Cổ đông góp vốn	1.600.000.000	4,00%
5	DƯƠNG QUỐC PHONG	Cổ đông góp vốn	800.000.000	2,00%
6	NGUYỄN HẮC HẢI	Cổ đông góp vốn	1.100.000.000	2,75%
7	NGUYỄN QUANG THÔNG	Cổ đông góp vốn	4.000.000.000	10,00%
8	PHẠM DUY HƯNG	Cổ đông góp vốn	800.000.000	2,00%
9	PHẠM HỮU PHÚ	Cổ đông góp vốn	8.000.000.000	20,00%
10	NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ	Cổ đông góp vốn	100.000.000	0,25%
11	LÊ THỊ THANH MAI	Cổ đông góp vốn	100.000.000	0,25%
12	PHẠM THỊ ÁNH TUYẾT	Cổ đông góp vốn	400.000.000	1,00%
13	PHẠM HỮU TUẤN	Cổ đông góp vốn	400.000.000	1,00%
14	NGUYỄN THỊ THÙY ĐOAN	Cổ đông góp vốn	1.580.000.000	3,95%
15	LƯƠNG THỊ THẢO	Cổ đông góp vốn	1.980.000.000	4,95%
16	NGUYỄN MIÊN TIẾN	Cổ đông góp vốn	440.000.000	1,10%
17	TRỊNH ĐÌNH TUỆ	Cổ đông góp vốn	2.400.000.000	6.00%
18	PHAN BÍCH PHƯỢNG	Cổ đông góp vốn	600.000.000	1,50%
19	LÊ TRUNG THU	Cổ đông góp vốn	3.500.000.000	8,75%
20	PHẠM VĂN TÂM	Cổ đông góp vốn	500.000.000	1,25%
TỔNG CỘNG			**40.000.000.000**	**100%**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hữu Phú	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 31/01/2007
Ông Nguyễn Quang Thông	Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 31/01/2007
Ông Ngô Đình Chính	Thành viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 31/01/2007
Ông Nguyễn Thúc Vinh	Thành viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 31/01/2007

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thúc Vinh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31/01/2007
Ông Nguyễn Miên Tiến	Phó tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18/07/2011

Tổng số nhân viên và người lao động : 12 người

II. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

1. Tuyên bố về tuân thủ :

Báo cáo tỷ lệ An toàn Tài chính đã được lập phù hợp với các qui định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

2. Cơ sở số liệu tài chính :

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập dựa trên cơ sở số liệu tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2014 và cho 06 tháng đầu năm 2014 kết thúc cùng ngày. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2014 của Công ty kết thúc tại ngày 30/06/2014.

III. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

1. Tỷ lệ Vốn khả dụng :

Tỷ lệ Vốn khả dụng của Công ty được xác định theo công thức qui định trong Thông tư số 226/2010/TT-BTC và Thông tư số 165/2012/TT-BTC như sau :

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng X 100\%}}{\text{Tổng giá trị rủi ro}}$$

Trong đó, tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động

2. Vốn khả dụng :

a. Vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng chín mươi (90) ngày, bao gồm :

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu, không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- Thặng dư vốn cổ phần;
- Quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ;
- Quỹ đầu tư phát triển;
- Quỹ dự phòng tài chính;
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập phù hợp với quy định của pháp luật;
- Lợi nhuận luỹ kế và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật;
- Năm mươi phần trăm (50%) phần giá trị tăng thêm của tài sản cố định được định giá lại theo quy định của pháp luật (trong trường hợp định giá tăng), hoặc trừ đi toàn bộ phần giá trị giảm đi (trong trường hợp định giá giảm);
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái;
- Lợi ích của cổ đông thiểu số;
- Các khoản giảm trừ;
- Các khoản tăng thêm.

b. Các khoản điều chỉnh tăng :

- Giá trị các khoản nợ có thời hạn ban đầu là 5 năm của Công ty (nếu có) có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu;
- Các khoản nợ có thời hạn ban đầu là 10 năm (nếu có) đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước; và
- Toàn bộ phần giá trị tăng thêm của các khoản đầu tư không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty cũng như các chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày lập Báo cáo Tỷ lệ An toàn tài chính

c. Các khoản điều chỉnh giảm :

- Các chỉ tiêu trong tài sản dài hạn
- Toàn bộ phần giá trị giảm đi của các khoản đầu tư không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty cũng như các chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày lập Báo cáo Tỷ lệ An toàn tài chính;
- Các tài sản dài hạn và ngắn hạn thời hạn thu hồi hoặc thời hạn thanh toán còn lại trên chín mươi (90) ngày;
- Các khoản ngoại trừ (nếu có) trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

3. Giá trị rủi ro thị trường

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá thị trường của tài sản đang sở hữu biến động theo chiều hướng bất lợi. Giá trị rủi ro thị trường được xác định theo qui định của Thông tư Thông tư số 226/2010/TT-BTC như sau :

RỦI RO THỊ TRƯỜNG = Vị thế ròng X Giá tài sản X Hệ số rủi ro thị trường

Giá tài sản

Giá tài sản được xác định theo nguyên tắc định giá được qui định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC như sau :
- Tiền : Số dư tài khoản tại ngày tính toán
- Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh : Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán. Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá trị sổ sách; giá mua; giá theo phương pháp nội bộ của Công ty. Tức là Max(Giá trị sổ sách ; Giá mua ; Giá xác định theo phương pháp nội bộ)
- Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội : Giá giao dịch bình quân tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán. Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá trị sổ sách; giá mua; giá theo phương pháp nội bộ của Công ty. Tức là Max(Giá trị sổ sách ; Giá mua ; Giá xác định theo phương pháp nội bộ)
- Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCOM : Giá giao dịch bình quân tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán. Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá trị sổ sách; giá mua; giá theo phương pháp nội bộ của Công ty. Tức là Max(Giá trị sổ sách ; Giá mua ; Giá xác định theo phương pháp nội bộ)

Hệ số rủi ro thị trường

Hệ số rủi ro thị trường được xác định cho từng khoản mục tài sản theo qui định của Thông tư số 226/2010/TT-BTC.

Giá trị rủi ro thị trường tăng thêm

Giá trị rủi ro thị trường của mỗi tài sản xác sịnh theo qui định sẽ phải điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp Công ty đầu tư quá nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ chứng khoán đang trong thời gian bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh.

4. Giá trị rủi ro thanh toán :

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn theo cam kết. Giá trị rủi ro thanh toán được xác định khi kết thúc ngày giao dịch của các hợp đồng, giao dịch như sau :
- Giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán, tiền và thanh lý hợp đồng, được xác định theo nguyên tắc sau :

Gía trị rủi ro trước thời hạn thanh toán =
Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác X Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán quá thời hạn thanh toán được xác định theo nguyên tắc sau ;

Gía trị rủi ro quá thời hạn thanh toán =
Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian X Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Hệ số rủi ro thanh toán :

Căn cứ Thông tư số 226/2010/TT-BTC, hệ số rủi ro trước thời hạn thanh toán cho loại giao dịch "Tiền gửi có kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản đảm bảo và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán" đối với "Các tổ chức, cá nhân khác" mà Công ty áp dụng là 8%.
Căn cứ Thông tư số 226/2010/TT-BTC, hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian cho các khoản phải thu quá thời hạn từ 60 ngày trở đi mà Công ty áp dụng là 100%.

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán :

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong hoạt động vay, cho vay chứng khoán, giao dịch ký quỹ, giao dịch mua bán lại. Tại Công ty chỉ tính rủi ro cho loại giao dịch "Tiền gửi có kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản đảm bảo và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán" là toàn bộ giá trị khoản cho vay / tiền gửi.

Giảm trừ giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Công ty được điều chỉnh giảm trừ phần giá trị tài sản đảm bảo của đối tác, khách hàng khi xác định giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong trường hợp các hợp đồng, giao dịch này đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau :
- Đối tác, khách hàng có tài sản đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của mình và tài sản đảm bảo là tiền, các khoản tương đương tiền, chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Bộ Tài chính bảo lãnh phát hành;
- Công ty có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng, chuyển nhượng tài sản đảm bảo trong trường hợp đối tác hoặc khách hàng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn đã thỏa thuận tại các hợp đồng.
- Giá trị tài sản đảm bảo tính giảm trừ được xác định như sau :

Giá trị tài sản đảm bảo = Khối lượng tài sản X Giá tài sản X (1 – Hệ số rủi ro thị trường)

Tăng thêm giá trị rủi ro thanh toán :

Giá trị rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm trong các trường hợp sau:
- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị khoản cho vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ 10% tới 15% Vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị khoản cho vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ 15% tới 25% Vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị khoản cho vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), hoặc một cá nhân và các bên liên quan tới cá nhân đó (nếu có), chiếm từ 25% Vốn chủ sở hữu trở lên.

5. Giá trị rủi ro hoạt động :

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do nguyên nhân khách quan khác.
Giá trị rủi ro hoạt động của Công ty được xác định bằng 25% chi phí duy trì hoạt động của Công ty trong vòng 12 tháng liền kề tính tới tháng gần nhất hoặc 20% vốn pháp định theo qui định của pháp luật, tùy thuộc vào giá trị nào lớn hơn.
Chi phí duy trì hoạt động của Công ty được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong kỳ trừ đi :
- Chi phí khấu hao;
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn và
- Dự phòng phải thu khó đòi.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 07 năm 2014

Kế toán trưởng	Kiểm soát nội bộ	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thuỳ Đoan	Võ Thị Thanh Loan	Nguyễn Thúc Vinh

(Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính)